

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021

Căn cứ Văn bản số 755/SNNPTNT-KH ngày 09/03/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý nội dung dự thảo Kế hoạch, Đề cương giám sát chuyên đề về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2021;

Căn cứ nội dung mục 1, Thông báo số 170/TB-SNNPTNT ngày 23/03/2022 về Thông báo kết luận của Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trần Ngọc Hiếu tại cuộc họp giao ban khối lâm nghiệp ngày 23/03/2022.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ phát triển rừng, tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 với những nội dung như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình công ty:

1. Diện tích quản lý:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo mô hình công ích. Công ty được UBND tỉnh giao quản lý và sử dụng 22.959,78ha (theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 15/03/2022) thuộc địa giới hành chính của các xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến và một phần xã Phước Thắng. Trong đó, phân theo hiện trạng và quy hoạch 03 loại rừng như sau:

- Diện tích rừng và đất rừng phòng hộ là 17.208,76ha (Trong đó: Rừng tự nhiên: 15.150,73ha; Rừng trồng: 98,76ha; Đất chưa có rừng: 1.959,27ha).

- Diện tích rừng và đất rừng sản xuất là 5.751,02 ha; (Trong đó: Rừng tự nhiên: 3.700,24ha; Rừng trồng: 355,39ha; Đất chưa có rừng: 1.695,39ha).

2. Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức quản lý công ty hiện nay:

Mô hình tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của Công ty được UBND tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 24/06/2021 về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo đó Công ty hoạt động theo mô hình Chủ tịch kiêm Giám đốc và có chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề sản xuất kinh doanh như sau:

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất; Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động; góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

- Thực hiện dịch vụ công ích: Trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ và rừng sản xuất do UBND tỉnh giao.

- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm: Sản xuất kinh doanh giống cây nông, lâm nghiệp và cây dược liệu; Trồng rừng sản xuất. Thực hiện các dịch vụ thiết kế, thi công các công trình lâm sinh, công nghiệp rừng: Xây dựng PA Điều chế rừng, trồng rừng, khoanh nuôi; điều tra, đo vẽ bản đồ. San ủi và làm đường lâm nghiệp, đường nông thôn. Kinh doanh dịch vụ khai thác chế biến gỗ, tận thu các loại lâm sản phụ, khai thác gỗ theo yêu cầu của Nhà nước (nếu có). Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao như cho thuê môi trường rừng, tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

3. Số lượng, trình độ chuyên môn CNV- NLĐ:

Hiện nay, tổng số CNV và người lao động của Công ty là 35 người, trong đó: khối văn phòng: 12 người, lực lượng làm công tác QLVR: 23 người. CBCNV và người lao động trong Công ty đều được đào tạo có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đúng chuyên ngành công tác như: Lâm sinh, Kinh tế Nông lâm, Tài chính kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản lý đất đai, Luật,... bao gồm: Thạc sỹ 01 người; Đại học 16 người; Cao đẳng, trung cấp 11 người; chuyên môn khác 07 người.

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện:

1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện:

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc Hội;

Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ;

Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/07/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng;

Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2021;

2. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện:

Thực hiện các văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm lâm và các ban, ngành liên quan Công ty đã xây dựng và ban hành:

- Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 trên toàn bộ lâm phần được giao quản lý;
- Đề án du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến đến năm 2030;
- Xây dựng phương án PCCCR và truy quét chống phá rừng hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Xây dựng các Chương trình, dự án phát triển rừng theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm;
- Xây dựng kế hoạch huy động phương tiện, người tham gia chữa cháy vào mùa khô, chỉ đạo cho các trạm QLVR, phòng quản lý bảo vệ rừng xây dựng kế hoạch tuần tra, truy quét hàng tháng, quý, kế hoạch cao điểm trong những tháng, ngày nghỉ lễ, tết hàng năm.

Đồng thời, Công ty đã ban hành các Quyết định như: Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban lãnh đạo; Quyết định phân công địa bàn phụ trách cho Lãnh đạo, các phòng và các thành viên Ban chỉ huy phòng cháy chữa rừng và truy quét chống phá rừng của Công ty; Xây dựng Quy chế phối hợp, Xây dựng Nghị quyết của Hội Nghị CC-VC; Nghị quyết của Chi bộ của Công ty là cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng năm.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

Ban Lãnh đạo Công ty xác định nhiệm vụ quản lý đất đai và quản lý bảo vệ rừng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị, bên cạnh đó, để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng được tốt thì việc tổ chức sản xuất kinh doanh mà trong đó việc thực hiện định giá rừng để cho thuê môi trường rừng rừng hoặc hợp tác liên doanh liên kết với các doanh nghiệp phát triển lĩnh vực du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên lâm phần là hết sức cần thiết, qua đó tạo nguồn thu, nâng cao đời sống của người lao động trong công ty. Do đó, việc cập nhật, triển khai thực hiện các Quyết định, Nghị định, Thông tư của các cơ quan, ban ngành là rất quan trọng nhằm thực hiện đúng duy định pháp luật trong quá trình Công ty thực hiện nhiệm vụ được giao.

Từ nhận thức ý nghĩa và tầm quan trọng nói trên, hàng tháng Ban lãnh đạo Công ty phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đã tổ chức quán triệt các nghị quyết chỉ thị Quyết định, Nghị định, Thông tư của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn....đến từng cán bộ, CNV và người lao động trong công ty bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với điều kiện công tác của đơn vị như: thông qua các buổi họp giao ban, họp công đoàn, chi đoàn; photo các nghị quyết, chỉ thị Quyết định, Nghị định, Thông tư chuyển đến từng phòng, Trạm QLBRV để cán bộ, CNV và người lao động nắm bắt được các chủ trương, chính sách của đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, trên cơ sở phương án PCCCR và TQCPR được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương các xã (Công an xã), Hạt kiểm lâm (Kiểm lâm địa bàn) tổ chức họp tuyên truyền vào các tháng đầu năm nhất là các tháng đầu mùa khô để tuyên truyền về công tác PCCCR và TQCPR, mỗi năm công ty phối hợp tổ chức từ 8 đến 10 buổi họp tuyên truyền về công tác PCCCR và TQCPR.

4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân (Hạn chế quy định trong văn bản quy phạm pháp luật):

- Hiện nay không có định mức kinh tế kỹ thuật cụ thể cho các biện pháp lâm sinh như nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng. Các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/07/2005 hiện nay không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Phương pháp định giá rừng và giá rừng hiện nay chỉ xác định theo hai giá trị cơ bản là giá trị lâm sản và giá trị đất nên dẫn đến thiệt thòi cho người dân địa phương khi nhà nước thu hồi, bồi thường liên quan đến đất lâm nghiệp.

- Đơn giá nhân công lao động theo định mức của Quyết định số 3882/QĐ-SXD ngày 13/10/2021 của Sở xây dựng tỉnh Ninh Thuận áp dụng cho công tác trồng rừng hiện nay là rất thấp so với đơn giá thuê mướn thực tế để thực hiện trồng rừng tại địa phương nên khó thực hiện.

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên lâm phần Công ty quản lý:

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

1.1. Công tác quản lý rừng:

1.1.1. Công tác xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2026 theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh liên quan:

Công ty chỉ là đơn vị chủ rừng cấp 2 nên chỉ phối hợp với UBND các xã tổ chức thực hiện rà soát hiện trạng quy hoạch 03 loại rừng trong diện tích rừng và đất rừng giao quản lý.

1.1.2. Công tác tích hợp quy hoạch 03 loại rừng vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận:

Năm 2021, thực hiện văn bản số 142/CCKL-QLBVR&BTNN ngày 06/01/2021 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Ninh Thuận về việc rà soát quy hoạch tích hợp Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Công ty đã phối hợp với các ban, ngành, UBND huyện, UBND các xã cùng Chi cục Kiểm lâm... tiến hành rà soát các quy hoạch, kiểm tra các dự án của huyện Bác Ái để tích hợp vào quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh và quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Đến nay, UBND tỉnh đã trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt.

1.1.3. Công tác giao đất, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng theo quy định pháp luật và so với quy hoạch 03 loại rừng của Tỉnh giai đoạn 2016 -2025:

1.1.3.1. Công tác bàn giao đất về cho địa phương quản lý:

Tổng diện tích bàn giao về cho địa phương quản lý là 2.404,54 ha; Trong đó: đợt 1 (12/2019) là 1.523,87 ha và đợt 2 (năm 2021) là 880,67 ha; Cụ thể:

TT	Xã	Tổng	Quy hoạch (ha)		Ghi chú
			Phòng hộ	Sản xuất	
1	Phước Bình	132,05	19,59	112,46	
2	Phước Hòa	13,22	13,22		
3	Phước Tân	744,21	8,70	735,51	
4	Phước Tiến	1.245,17	333,04	912,13	
5	Phước Thắng	269,89		269,89	
Tổng cộng		2.404,54	374,55	2.029,99	

1.1.3.2. Công tác tổ chức cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp:

Thực hiện theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp thì việc xây dựng phương án sắp xếp, đổi mới các Công ty nông lâm

nghiệp. Công ty đã thực hiện rà soát, đo đạc cắm 90 mốc, chiều dài 54 km với tổng kinh phí thực hiện là 1.046.507.931 đồng.

1.1.4. Lập hồ sơ quản lý nương rẫy:

Năm 2021, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Ninh Thuận về điều tra, khảo sát, lập hồ sơ quản lý nương rẫy nằm xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh. Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn Phân viện miền Nam và Chi cục Kiểm lâm tiến hành rà soát, thống kê, điều tra, lập hồ sơ quản lý nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng hiện vẫn thuộc quy hoạch 03 loại rừng trên lâm phần Công ty quản lý là 1.337,69 ha.

Tuy nhiên, theo ý kiến của Chi cục Kiểm lâm năm 2021 tại Văn bản số 1054/CCKL-QLBVRBTTN ngày 26/7/2021, thời gian còn quá ít, sẽ khó khăn trong triển khai thực hiện. Vì vậy, Công ty đề xuất thời gian triển khai thực hiện trong năm 2022 và hiện nay Sở Nông nghiệp và PTNT đang trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công việc này trong 2 năm 2022 và 2023.

1.1.5. Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016 - 2021:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên lâm phần Công ty quản lý là 51,983 ha (Đất rừng tự nhiên: 22,563 ha; Đất rừng trồng: 29,42 ha); Cụ thể:

- Quy hoạch đất rừng phòng hộ: 4,08 ha;
- Quy hoạch đất rừng sản xuất: 47,903 ha;

(Chi tiết tại phụ biểu số 08)

1.1.6. Đánh giá công tác tổ chức quản lý rừng đảm bảo theo nguyên tắc, thẩm quyền theo quy định pháp luật:

Công ty là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Ninh Thuận (Công ty TNHH MTV lâm nghiệp sử dụng 100% vốn nhà nước) có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 24/06/2021 về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp, xây dựng và phát triển rừng bền vững trong lâm phần được giao theo Luật Lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

1.1.7. Đánh giá công tác điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng (diện tích rừng và đất lâm nghiệp hàng năm), xây dựng cơ sở dữ liệu rừng:

Kết quả kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp có ý nghĩa quan trọng phục vụ việc hoạch định các chủ chương, xây dựng kế hoạch xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương. Do đó, việc theo dõi điều tra, kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu rừng ban đầu do các đơn vị tư vấn có trình độ chuyên môn thực hiện. Sau đó, diện tích rừng thay đổi theo diễn biến hàng năm do chủ rừng và đơn vị chức năng (Chi cục Kiểm lâm) theo dõi cập nhật tham mưu UBND tỉnh phê duyệt công bố hàng năm.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác này còn nhiều bất cập vì địa bàn và đối tượng theo dõi kiểm kê có diện tích quá lớn. Vì vậy tình trạng cập nhật chậm, thiếu chính xác vẫn còn xảy ra (hiện trạng rừng ngoài thực tế và trên bản đồ bị sai lệch nhau). Một số dự án đã có quyết định thu hồi chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp đã được Sở Tài Nguyên tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi triển khai dự án hoặc cấp sổ đỏ cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện nhưng vẫn chưa được cập nhật giảm diện tích và cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ mới cho Công ty (nguyên nhân do công tác quản lý và phối hợp giữa các ban, ngành và chủ rừng còn hạn chế, chưa đồng bộ).

1.2. Công tác bảo vệ rừng:

1.2.1. Công tác truy quét chống phá rừng trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2021:

Thực hiện chủ chương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác QLBR, Công ty luôn xác định công tác QLBR là nhiệm vụ trọng tâm và luôn đặt lên hàng đầu. Do đó, Công ty thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương các xã trong lâm phần và Hạt kiểm lâm để tuyên truyền công tác QLBR trên địa bàn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức cho lực lượng QLBR truy quét các vùng giáp ranh, các vùng trọng điểm thường xảy ra phá rừng. Hầu hết, trong các đợt truy quét, đơn vị luôn phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng để được hỗ trợ như: công an xã, Kiểm lâm địa bàn, tổ kiểm lâm cơ động của Hạt kiểm lâm Bắc Ái, từ đó việc tổ chức truy quét của Công ty thường mang lại hiệu quả cao, đa số các vụ phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, lấn rừng làm rẫy xảy ra trên địa bàn do Công ty quản lý đều được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

Kết quả khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, phá rừng làm nương rẫy, lấn chiếm đất lâm nghiệp..... Giai đoạn từ năm 2016-2021, Công ty đã phát hiện ngăn chặn và xử lý kịp thời 199 vụ; Trong đó:

- Khai thác lâm sản trái phép 97 vụ; vận chuyển lâm sản 32 vụ; phá rừng lấn chiếm đất rừng 31 vụ với diện tích 26,543 ha (Trong đó xử phạt vi phạm hành chính và buộc khắc phục trồng lại rừng 05 vụ với diện tích 0,838 ha với mức xử phạt 350 triệu đồng; đang chuyển hồ sơ khởi tố 02 vụ với diện tích 1,977 ha; 01 vụ đang điều tra đương sự với diện tích 0,802 ha; Cập nhật sai hiện trạng 01 vụ với diện tích 0,735 ha; Đưa vào quản lý nương rẫy phục hồi lại rừng 18 vụ với diện tích 5,4205 ha; Thu hồi chuyển xử lý hình sự 01 vụ với diện tích 1,495 ha; Chưa đủ trình tự chuyển mục đích sử dụng 03 vụ với diện tích 15,276 ha); Chống người thi hành công vụ: 03 vụ; Vi phạm khác 36 vụ (Đập, phá lò than; đưa phương tiện công cụ vào rừng trái phép....);

- Tang vật, phương tiện: Lâm sản (thể tích cây bị thiệt hại) 130,20 m³ và 1ster củi; Rễ cành nhánh Hương khô 224 kg; Than 120 kg; Xe máy 36 chiếc; Máy cưa 08 chiếc; Máy tời 01 chiếc; Bò 2 con; Rựa 3 cái; Xẻng 6 cái; Cuốc 5 cái; Cưa tay 6 cái.

(Chi tiết tại phụ biểu số 03)

1.2.2. Đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:

Hàng năm, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các Nghị định của Chính phủ, các Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về thực hiện các biện pháp cấp bách PCCCR nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy rừng có thể xảy ra. Để giảm thiểu những thiệt hại do cháy rừng gây ra, hàng năm Công ty đều xây dựng phương án PCCCR trình Sở Nông nghiệp & PTNT thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

Trên cơ sở Phương án được UBND tỉnh phê duyệt, Công ty thành lập Ban chỉ huy PCCCR&TQCPR và 4 tổ đội PCCCR&TQCPR với lực lượng nông cốt là 04 trạm QLVR. Ngoài ra, vào đầu mùa khô hàng năm Ban lãnh đạo còn phân công trực PCCCR thường xuyên tại các trạm để kịp thời chỉ đạo công tác chữa cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra. Phối hợp với Hạt kiểm lâm Bác Ái và chính quyền địa phương xã tổ chức họp dân để tuyên truyền công tác PCCCR đến từng thôn bản cũng như mua sắm thêm trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCCR.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện các biện pháp PCCCR như đốt trước có điều khiển vật liệu cháy; hướng dẫn tuyên truyền vận động bà con phát dọn nương rẫy đúng quy trình...; tổ chức trực theo cấp dự báo cháy rừng; tổ chức triển khai cho các cộng đồng nhận khoán, 02 đơn vị liên doanh - liên kết phát dọn ranh tuyến phòng cháy qua đó đã kịp thời phát hiện và huy động lực lượng chữa cháy, dập tắt không chế các điểm cháy rừng chỉ cháy thực bì lướt dưới tán rừng và được phát hiện, chữa cháy kịp thời nên không có thiệt hại đến rừng. Giai đoạn 2016-2021, thực hiện theo phương án PCCCR&TQCPR hàng năm Công ty đã tổ chức tuyên truyền 112 đợt với 11.800 lượt người tham gia; Nhờ làm tốt công tác PCCCR, nên trong giai đoạn 2016-2021 trên lâm phần công ty quản lý chỉ xảy ra 26 điểm cháy với diện tích 14,63 ha với 933 lượt người tham gia chữa cháy.

Tổng số điểm cháy rừng xảy ra trên địa bàn lâm phần công ty quản lý là không lớn, diện tích cháy nhỏ lẻ, hiện trạng rừng bị cháy là rừng khộp non rụng lá vào mùa khô, mức độ thiệt hại là không đáng kể do chủ yếu là cháy thảm thực bì dưới tán rừng (lá khô, cỏ và cây bụi khô). Hầu hết các vụ cháy đều được phát hiện và huy động nhân dân chữa cháy, dập tắt kịp thời. Nguyên nhân chính dẫn đến cháy rừng vẫn là hoạt động đốt nương làm rẫy, dùng lửa không có ý thức để cháy lan sang cháy rừng, người dân vào rừng bẫy thú rừng...

(Chi tiết tại phụ biểu số 01, 02)

1.2.3. Tình hình vi phạm, kết quả xử lý các hành vi vi phạm về lâm nghiệp:

Giai đoạn 2016-2021, tình hình vi phạm về lâm nghiệp giảm hơn so với giai đoạn trước đây cả về số vụ và quy mô, mức độ. Tình hình phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp vẫn còn xảy ra việc xử lý còn chậm hoặc khi phát hiện các đối tượng không nhận và ký vào biên bản gây khó khăn cho công tác QLVR. Số vụ đã phát hiện và xử lý như sau:

- Phá rừng lấn chiếm đất rừng 31 vụ; xử lý vi phạm hành chính 05 vụ; Xử lý hình sự 01 vụ; Xử phạt, thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 03 vụ; Chuyển hồ sơ khởi tố 02 vụ; Đưa vào quản lý nương rẫy 20 vụ;

- Khai thác lâm sản, vận chuyển lâm sản trái phép: 133 vụ;
- Chống người thi hành công vụ: 3 vụ;
- Vi phạm khác: 36 vụ.

(Chi tiết tại phụ biểu số 03)

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng:

2.1. Giao khoán bảo vệ rừng kết hợp triển khai mô hình sinh kế:

2.1.1. Diện tích giao khoán BVR:

2.1.1.1. Giao khoán BVR cho các cộng đồng:

* Giai đoạn từ năm 2016 - 2021, Công ty đã triển khai giao khoán bảo vệ rừng cho các Cộng đồng dân cư thuộc các xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến với tổng diện tích là 26.041,65 lượt ha/7.628.660.000 đồng;

- Chương trình 30a: 14.040,65 lượt ha/4.328.660.000 đồng;
- Chương trình PTR: 12.000,00 lượt ha/3.300.000.000 đồng;

* Phân theo khu vực từng xã:

- Xã Phước Bình: 5.000,00 lượt ha/1.600.000.000 đồng;
- Xã Phước Hòa: 5.138,65 lượt ha/1.455.460.000 đồng;
- Xã Phước Tân: 9.576,00 lượt ha/3.162.800.000 đồng;
- Xã Phước Tiến: 6.326,00 lượt ha/1.410.400.000 đồng;

(Chi tiết tại phụ biểu số 05,06)

2.1.1.2. Giao khoán BVR cho các LLVT:

Giai đoạn từ năm 2016 - 2021, Công ty đã triển khai giao khoán bảo vệ rừng cho các LLVT với tổng diện tích là 7.000 lượt ha/954.166.666 đồng;

- Trung đoàn 896: 2.000 lượt ha/316.666.667 ha;
- Phòng PC46 công an tỉnh: 2.500 lượt ha/404.166.667 ha;
- Công an huyện Bắc Ái: 500 lượt ha/25.000.000 ha;
- Phòng PC49 công an tỉnh: 1.000 lượt ha/133.333.333 ha;
- Phòng PA81 công an tỉnh: 500 lượt ha/37.500.000 ha;
- Phòng PA71 công an tỉnh: 500 lượt ha/37.500.000 ha;

(Chi tiết tại phụ biểu số 05,06)

2.1.2. Các mô hình giao khoán kết hợp chăn nuôi, các mô hình khác:

2.1.2.1. Mô hình sinh kế nuôi bò cái sinh sản kết hợp QL BVR:

Năm 2017, từ nguồn kinh phí giao rừng khoán quản, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến phối hợp cùng UBND các xã Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến, Phước Bình và Chi cục Kiểm lâm tiến hành tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện mô hình sinh kế cho các Cộng đồng nhận khoán bằng hình thức nuôi bò cái sinh sản. Qua đó, đã tiến hành mua 102 con bò/6 cộng đồng/938.000.000 đồng từ 40% kinh phí khoán bảo vệ rừng trích lại để thực hiện sinh kế. Trong đó:

- + Chương trình 30a là 11 con/3 Cộng đồng/116.000.000 đồng;
- + Chương trình BV PTR là 91 con/4 Cộng đồng/822.000.000 đồng.

2.1.2.2. Hỗ trợ lập hồ sơ vay vốn theo Nghị định 75/NĐ-CP:

Trong năm 2020, Công ty đã phối hợp với Ngân hàng chính sách huyện Bắc Ái lập hồ sơ cho các hộ dân nằm trong tổ Cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng được hỗ trợ vay vốn theo Nghị định 75/NĐ-CP với tổng số tiền là 675.000.000 đồng; Trong đó:

- Cộng đồng thôn Suối Rua - xã Phước Tiến: 200.000.000 đồng/4 hộ;
- Cộng đồng thôn Tà Lọt - xã Phước Hòa: 245.000.000 đồng/6 hộ;
- Cộng đồng thôn Chà Panh - xã Phước Hòa: 230.000.000 đồng/5 hộ;

2.1.2.3. Đánh giá:

- Chương trình 30a: Kết quả thực hiện/Kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2016-2020 và 2021 là 14.040,65 lượt ha/21.940 lượt ha, đạt 64,00%;

- Chương trình MTPTLN bền vững: Kết quả thực hiện/ Kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2016-2020 và 2021 là 19.000 lượt ha/27.000 lượt ha, đạt 70,37%;

- Thực hiện giao khoán BVR kết hợp mô hình sinh kế đã đem lại những kết quả sau:

+ Tạo thêm nguồn thu nhập, phát triển kinh tế cho hộ gia đình, cá nhân sau khi được nhận khoán, tạo được công ăn việc làm cho người dân địa phương góp phần xoá đói giảm nghèo.

+ Giao trực tiếp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tổ chức lực lượng bảo vệ, thường xuyên tổ chức tuần tra, canh gác, phát hiện sự phá hoại của con người, phát hiện sâu bệnh hại và lửa rừng để có biện pháp ngăn chặn kịp thời.

+ Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng có trách nhiệm bảo vệ tốt khu rừng được nhận khoán, thường xuyên tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng, phòng cháy rừng. Kịp thời ngăn chặn và phản ánh với UBND xã, Kiểm lâm địa bàn, các trạm bảo vệ rừng gần nhất khi phát hiện hành vi phá rừng để tổ chức phối hợp truy quét.

+ Tham gia phòng cháy chữa cháy rừng khu vực được giao và khu vực rừng lân cận trong lâm phần công ty quản lý. Phối hợp với Công ty và tham gia đầy đủ các buổi tuyên truyền về công tác QLVR, các chính sách về lâm nghiệp.

+ Việc giao khoán bảo vệ rừng cho các tập thể cộng đồng dân cư, tổ chức là một trong những biện pháp hữu hiệu, nhằm tăng cường lực lượng bảo vệ rừng tạo sức mạnh tập thể để trấn áp các đối tượng phá rừng, làm giảm sự phá hoại của con người vào rừng, ngăn chặn tình trạng khai thác lâm sản trái phép tại khu vực giao khoán. Đồng thời phối hợp với lực lượng của đơn vị chủ rừng trong việc tuần tra truy quét các điểm nóng, công tác PCCCR trong mùa khô.

2.2. Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng:

2.2.1. Kết quả trồng rừng, chăm sóc rừng theo các Chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng:

- Trồng rừng trồng phòng hộ giai đoạn 2016-2021 là 144,6 ha/150 lượt ha kế hoạch hàng năm đạt 96,40% kế hoạch;

- Chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2, 3, 4: 312,15 lượt ha/312,15 lượt ha đạt 100% kế hoạch hàng năm;

- Trồng rừng hỗ trợ sản xuất với tổng diện tích 27,40 ha/33,60 ha đạt 81,55% kế hoạch hàng năm;

(Chi tiết tại phụ biểu số 05)

*** Đánh giá kết quả trồng rừng, chăm sóc rừng theo các Chương trình, dự án:**

Công tác trồng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ, sản xuất giai đoạn 2016-2021 không đạt được theo chỉ tiêu kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2016-2020 nguyên nhân là do không có nguồn vốn phân bổ để cho Công ty thực hiện. Mặt khác, ý thức và kinh nghiệm trồng rừng của các hộ dân sống gần rừng chưa cao nên hiệu quả không đạt như mong muốn; Cụ thể:

- Kết quả trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 1 giai đoạn 2016-2021/Kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2016-2020 và 2021 là 144,60 ha/260,00 ha đạt 55,62%;

- Kết quả chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 2, 3, 4 giai đoạn 2016-2021 /Kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2016-2020 và 2021 là 312,15 lượt ha/428,00 lượt ha đạt 72,93%;

- Kết quả trồng rừng hỗ trợ sản xuất giai đoạn 2016-2021/Kế hoạch BV&PTR giai đoạn 2016-2020 và 2021 là 27,40 ha/193,70 ha đạt 14,15%;

2.2.2. Đánh giá kết quả trồng rừng thay thế giai đoạn 2016 – 2021 trên lâm phần công ty quản lý:

Từ năm 2016 - 2021 trên lâm phần Công ty quản lý đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án với tổng diện tích 51,98 ha. Việc thực hiện trồng rừng thay thế cho toàn bộ diện tích thu hồi thì các Doanh nghiệp đã thực hiện đóng tiền trồng rừng thay thế một lần tại Quỹ BV&PTR tỉnh Ninh Thuận để triển khai trồng lại diện tích đất đã thu hồi chuyển mục đích sử dụng. Trong giai đoạn này, Quỹ BV&PTR đã phân bổ cho Công ty thực hiện trồng và chăm sóc rừng rừng thay thế như sau:

- Trồng mới: 203,11 ha/250 ha đạt 81,24 % kế hoạch;

- Chăm sóc năm 2: 150 ha/150 ha đạt 100 % kế hoạch;

*** Đánh giá hiệu quả trồng rừng thay thế:**

Công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nói chung và huyện Bác Ái nói riêng luôn được các cấp, ngành, quan tâm kiểm tra, giám sát. Diện tích trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế, trên lâm phần Công ty đang quản lý hiện nay cây đang sinh trưởng và phát triển tốt do chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu đất đai thổ nhưỡng (Rừng trồng 2019, chiều cao: 1,25 m; đường kính bình quân: 3,5 cm; Rừng trồng 2020, chiều cao: 0,7 m; đường kính bình quân: 2,5 cm; Rừng trồng 2021, chiều cao: 0,32 m; đường kính bình quân: 0,6 cm).

Ngoài ra, trồng rừng thay thế còn nhằm phủ xanh diện tích đất trống, đồi núi trọc; nâng cao độ che phủ của rừng; Chống xói mòn sạt lở đất núi, đá lăn, nâng cao tính phòng hộ của rừng; Cải tạo môi trường, tái tạo độ phì nhiêu đất;

Giải quyết việc làm cho lao động dư dôi tại địa phương; Góp phần vào việc đạt được các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo vệ an ninh quốc phòng. Tuy nhiên năm 2021, do tình hình dịch bệnh covid kéo dài lực lượng nhân công thực hiện trồng rừng thay thế không có nên chỉ tiêu trồng rừng của năm 2021 không đạt mục tiêu đề ra (chỉ đạt 60% kế hoạch được giao).

2.3. Công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng:

Giai đoạn năm 2016-2021 trên lâm phần Công ty quản lý không thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên.

2.4. Kết quả trồng cây phân tán, tổ chức quản lý, bảo vệ cây phân tán tại đô thị, nông thôn, khu công nghiệp:

Theo kế hoạch trồng cây phân tán hàng năm Công ty đã triển khai thực hiện công tác cấp cây giống, cho các tổ chức, hộ gia đình có nhu cầu trồng cây phân tán bằng loài cây Keo lai, Bạch đàn với số lượng 150.000 cây/150.000 cây đạt 100% kế hoạch (Năm 2016: 130.000 cây; Năm 2020: 20.000 cây); Trong đó:

- Khu vực xã Phước Hòa: 123.000 cây;
- Khu vực xã Phước Tiến: 19.000 cây;
- Khu vực xã Phước Thắng: 8.000 cây.

2.5. Đánh giá kết quả thực hiện phát triển giống cây lâm nghiệp phục vụ cho nhiệm vụ trồng rừng hằng năm:

Công tác gieo ươm cây giống phục vụ cho công tác trồng và chăm sóc rừng trồng luôn được Ban lãnh đạo công ty quan tâm từ khâu lựa chọn giống (được chọn từ những vườn giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng); kỹ thuật gieo ươm, người gieo tạo (là những người có kinh nghiệm lâu năm trong công tác gieo ươm tại đơn vị) nên cây giống gieo tạo đạt chất lượng đề ra hiệu quả về trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ hàng năm.

2.6. Đánh giá công tác ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất lâm nghiệp, xây dựng các mô hình thực nghiệm, nông lâm kết hợp: Không thực hiện.

2.7. Đánh giá về công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp các cấp thực hiện có hiệu quả quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

Công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực đối với công chức, viên chức ngành lâm nghiệp luôn được các cấp, ngành quan tâm. Hàng năm, Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm thường xuyên mở các lớp tập huấn về công tác chuyên môn, nghiệp vụ như hướng dẫn sử dụng máy định vị, lập biên bản xử lý vi phạm, xây dựng phương án PCCCR, phần mềm Arcgis, Qgis.... Qua đó, giúp nâng cao trình độ và chuyên môn cho các lực lượng làm nhiệm vụ BVR. Tuy nhiên, một số nơi một số lúc công tác đào tạo còn mang tính hình thức chạy theo chương trình thành tích, triển khai cho có, hiệu quả không như yêu cầu đề ra.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng:

Độ che phủ rừng của Công ty quản lý tại thời điểm năm 2016 (giai đoạn đầu kỳ theo kết quả kiểm kê rừng tỉnh Ninh Thuận) là 75,91%; đến năm 2021 độ che phủ rừng của Công ty đạt 83%, tăng 7%. Việc tỷ lệ độ che phủ rừng của Công ty giai đoạn 2016-2021 tăng lên 7% đã góp phần thực hiện tăng tỷ lệ độ che phủ rừng trên đại bàn tỉnh theo chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh đề ra.

4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao...

Trong những năm qua, chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng đã góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ, cải thiện môi trường sinh thái, điều hòa khí hậu và giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương, gắn việc bảo vệ và phát triển rừng với việc nâng cao thu nhập cho người dân đặc biệt là những hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình nghèo, cận nghèo thuộc các xã khu vực II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Từ đó nâng cao nhận thức, gắn quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.

5. Đánh giá kết quả huy động nguồn lực giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện bảo vệ, phát triển rừng so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh theo từng nguồn vốn:

Trong giai đoạn 2016 – 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã huy động mọi nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; vốn các dự án và nguồn vốn sự nghiệp lâm nghiệp để phân bổ đảm bảo cho các chủ rừng nói chung và Công ty nói riêng thực hiện hoàn thành nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021 so với chỉ tiêu Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh giao.

6. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm về hoạt động lâm nghiệp tại địa phương:

Công tác QLBR và PTR luôn được các cấp các ngành xem như là nhiệm vụ chính trị được giao nên trong những năm qua, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Bác Ái đã quan tâm chỉ đạo sâu sát cũng như hỗ trợ giúp cho Công ty thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi cục kiểm lâm, UBND các xã trong lâm phần, Hạt Kiểm lâm Bác Ái luôn phối hợp, hỗ trợ Công ty trong công tác tuần tra truy quét, phối hợp xử lý các vụ vi phạm, tổ chức tuyên truyền, nâng cao được nhận thức của người dân về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng từ đó hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quản lý bảo vệ rừng đã được nâng lên và mang lại một số kết quả như mục tiêu ban đầu đề ra.

7. Vai trò, trách nhiệm của cấp Ủy, các Sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, xã liên quan trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

Trong giai đoạn 2016-2021, công tác QLBR và PTR Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của cấp ủy; người đứng đầu của các Sở, ban

ngành, chính quyền địa phương đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn Công ty trong việc quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên rừng; tạo điều kiện giúp đỡ trong việc phân bổ và cấp kinh phí kịp thời, cũng như hướng dẫn thực hiện công tác giải ngân các nguồn kinh phí. Qua đó góp phần không nhỏ giúp Công ty thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

IV. Đánh giá chung:

1. Thuận lợi, khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sâu sát của UBND tỉnh, Sở nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Bác Ái, Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm Bác Ái, UBND các xã trên lâm phần,... nên đã hạn chế được tình hình chặt, phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật giảm đáng kể so với các năm trước đây.

- Theo chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm luôn được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Sở NN&PTNT, Chi cục Kiểm lâm, tập thể Công ty tham gia bám sát trong quá trình thực hiện để kịp thời đôn đốc, kiểm tra và giải quyết kịp thời những vướng mắc, phát sinh trong công tác phát triển rừng của đơn vị. Vì vậy công tác trồng và chăm sóc rừng trồng hàng năm luôn đạt kế hoạch giao.

1.2. Khó khăn:

1.2.1. Công tác QLBR:

- Diện tích rừng được giao quản lý lớn, địa bàn quản lý rộng, địa hình hiểm trở, ranh giới diện tích rừng tiếp giáp với nhiều địa bàn trong và ngoài tỉnh.

- Trong lâm phần quản lý có nhiều tuyến đường giao thông, đường mòn, đường tránh trong rừng nên các đối tượng lợi dụng để canh đường vận chuyển lâm sản trái phép.

- Công tác phối, kết hợp truy quét chống phá rừng đã được đẩy mạnh nhưng đôi khi chưa thường xuyên trao đổi thông tin, giao ban giữa chủ rừng với các lực lượng kiểm lâm, chính quyền địa phương dẫn đến hiệu quả chưa ngăn chặn vi phạm được triệt để.

- Kinh tế và đời sống của người dân địa phương gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp dựa vào nướì trời nên hiệu quả kinh tế mang lại chưa cao. Ngoài ra, do tình hình dịch bệnh xảy ra trong những năm qua nên một số hộ dân không có việc làm đã vào rừng khai thác lâm sản trái phép, gây áp lực trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của Công ty.

- Tập quán canh tác du canh nên tình trạng lấn chiếm, coi nói, phá rừng làm rẫy trái pháp luật, nhất là tình hình phá rừng làm rẫy trái pháp luật trên diện tích rừng đã tái sinh vẫn còn diễn ra. Trước tình hình trên Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường chỉ đạo quyết liệt, phối hợp cùng các cơ quan chức năng kiểm tra, lập hồ sơ xử lý các vụ lấn chiếm, phá rừng làm rẫy trái phép chuyển các cơ quan để điều tra xử lý theo quy định.

- Một số xã trên địa bàn lâm phần công ty quản lý, chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm tích cực đối với công tác BVR&PCCCR, còn xem công

tác BVR&PCCCR là nhiệm vụ của chủ rừng và cơ quan chức năng. Nên chưa quan tâm sâu sát để tuyên truyền vận động người dân địa phương không được coi nới, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp. Đặc biệt vẫn còn hiện tượng mua, bán đất trái phép cho các hộ là người Kinh, ngoài địa phương hay các hàng quán do thiếu nợ đổi đất nông nghiệp lấy hàng hóa, khi mất đất lại đi khai, nên nạn phá rừng trái phép làm nương rẫy vẫn còn diễn ra.

1.2.3. Công tác phát triển rừng:

- Trồng và chăm sóc rừng trồng: Địa hình có độ dốc rất lớn, thực bì khu đất trống rừng phòng hộ, thay thế chủ yếu là cỏ Tranh, Lau, Sậy công tác xử lý rất khó khăn tốn kém, vượt cao so với định mức quy định, đặc biệt khó khăn nhất là đường xá, vận xuất, vận chuyển nhân công, phân bón....về mùa mưa thường hay bị sạt, lở lấp tắc.

- Diện tích đất trống trồng và chăm sóc rừng trồng hiện nay ngày một manh mún, rải rác không tập trung, khó khăn cho công tác khảo sát, thiết kế, trồng rừng và rất khó quản lý, chăm sóc, phòng cháy, chữa cháy.

1.2.4. Mô hình sinh kế gắn với bảo vệ và phát triển rừng:

Bên cạnh việc triển khai các mô hình sinh kế đạt được những kết quả tích cực thì trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại, khó khăn:

- Nguồn kinh phí khoán bảo vệ rừng thường được cấp chậm, không ổn định, nên ảnh hưởng đến việc ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng, kinh phí được cấp muộn làm ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch mua sắm, phát triển sinh kế của cộng đồng;

- Được sự phát động, hướng dẫn của công ty và chính quyền địa phương, bước đầu các hộ trong cộng đồng đã tiếp cận và quen với hoạt động QLBRV kết hợp chăn thả gia súc dưới tán rừng. Tuy nhiên hiểu biết và kinh nghiệm của người dân trong việc chăn nuôi gia súc, chăm sóc cây trồng còn hạn chế, chưa áp dụng được các tiến bộ khoa học và phương pháp mới trong chăn nuôi, trồng trọt, dễ xảy ra tình trạng dịch bệnh, sâu hại gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của gia súc, cây trồng;

- Do đơn vị thực hiện công tác chuyên môn về lĩnh vực lâm nghiệp nên không có cán bộ chuyên môn về chăn nuôi thú y do đó công tác hướng dẫn bà con chăm sóc gia súc trong dự án còn nhiều hạn chế.

2. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc:

3.1. Công tác QLBRV:

- Công tác QLBRV còn những mặt tồn tại và bất cập như:

+ Diện tích rừng và đất rừng theo quy hoạch 03 loại rừng trên bản đồ còn sai lệch với hiện trạng thực tế ngoài thực địa;

+ Diện tích đất canh tác nương rẫy của người dân địa phương đan xen trong rừng và đất rừng chưa được bóc tách quản lý;

+ Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho Công ty còn chậm vì hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp của Công ty đã hết

hạn không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Một số diện tích đất của công ty đã được thu hồi chuyển mục đích sử dụng cho thực hiện dự án, nhưng việc điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ của công ty chưa được cơ quan chức năng thực hiện.

- Công tác phối, kết hợp giữa các lực lượng trong việc tham gia công tác BVR&PCCCR có lúc có nơi còn chưa chặt chẽ, đồng bộ còn có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm ở một số địa phương xã và cán bộ Kiểm lâm, còn coi đây là nhiệm vụ riêng của chủ rừng.

3.2. Công tác PTR:

- Trong những năm qua, chương trình dự án mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững thường không ổn định, đầu tư theo giai đoạn;

- Chỉ tiêu, kế hoạch hằng năm giao trong công tác trồng, chăm sóc rừng trồng, khoán bảo vệ rừng chậm hoặc không có kinh phí gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác phát triển rừng và giao khoán bảo vệ rừng.

3.3. Về thực hiện tỷ lệ độ che phủ rừng:

Tỷ lệ độ che phủ rừng của Công ty năm 2016 là 75,91%, năm 2021 tăng lên 83,02%. Tuy nhiên, diện tích trồng rừng thực hiện trong những năm qua chưa nhiều, nguyên nhân nguồn vốn đầu tư thực hiện phân bổ còn chậm hoặc không có vốn nên chưa làm tăng độ che phủ cao. Mặt khác, công tác chuyển mục đích sử dụng rừng và đất rừng để thực hiện các Dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao độ che phủ của rừng.

3.4. Về thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng:

- Kinh phí chi trả tiền công khoán bảo vệ rừng của cộng đồng từ năm 2021 đến nay vẫn chưa được cấp cho người dân;

- Suất đầu tư trồng rừng và khoán bảo vệ rừng còn thấp do đó chưa thu hút người dân gần bó tham gia làm nghề rừng;

- Công tác trồng và chăm sóc rừng trồng: Khí hậu khô hạn, đất đai cằn cỗi, địa hình đồi dốc, xa dân cư nằm trên các đỉnh núi, thực bì đất trồng rừng chủ yếu là cỏ Tranh, Lau, Sậy công tác xử lý thực bì khó khăn tốn kém, vượt cao so với định mức quy định, đường vận chuyển không có cự ly vận chuyển nhân công, cây giống, phân bón xa....về mùa, mưa thường hay bị sạt lở. Diện tích đất trồng rừng và chăm sóc rừng phòng hộ trên đất rẫy của các hộ dân manh mún, rải rác, gây khó khăn cho công tác khảo sát, thiết kế, quản lý, chăm sóc và phòng cháy chữa cháy rừng trồng.

3.5. Việc thực hiện các nguồn vốn:

Nguồn vốn phân bổ cho các Chương trình, dự án hàng năm thường chậm, không ổn định đã ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện của Công ty để đạt hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.6. Hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước:

- Một số xã trong lâm phần công ty quản lý, chính quyền địa phương chưa thực sự tích cực với công tác BVR&PCCCR, còn coi đây là nhiệm vụ của chủ rừng

và cơ quan chức năng. Nên chưa phối hợp chặt chẽ trong công tác tuyên truyền vận động người dân địa phương không được coi nói, lấn chiếm đất lâm nghiệp.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai chưa thật sự tốt, một số diện tích rừng và đất rừng đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng bàn giao về cho UBND các xã quản lý đã bị người dân lấn chiếm. Đặc biệt là tình trạng mua, bán đất trái phép, cho các hộ là người Kinh, người ngoài địa phương diễn ra rất phức tạp, khi không còn đất canh tác lại quay trở lại khai thác lâm sản, phá rừng trái phép để làm nương rẫy tạo áp lực rất lớn đến công tác QLBR.

4. Nguyên nhân hạn chế:

4.1. Nguyên nhân khách quan:

4.1.1. Công tác QLBR:

- Kinh phí Nhà nước cấp cho công tác quản lý bảo vệ rừng hiện nay còn thấp nên môi trường làm việc và sinh hoạt của lực lượng QLBR còn nhiều khó khăn dẫn đến công tác giữ rừng còn nhiều hạn chế.

- Việc làm cũng như thu nhập của những người dân sống gần rừng vẫn chưa được cải thiện, chưa có công việc nào mang lại thu nhập cao hơn nghề rừng (khai thác trái phép), do đó một số đối tượng vẫn chưa từ bỏ nghề rừng.

- Ý thức của người dân trong vùng, nhất là người đồng bào dân tộc sống trong lâm phần công ty quản lý về công tác quản lý bảo vệ rừng chưa cao.

4.1.2. Phát triển rừng:

- Việc giao chỉ tiêu kế hoạch Chương trình bảo vệ phát triển rừng (Trồng rừng, giao khoán bảo vệ rừng,...) hàng năm chậm nên đơn vị không chủ động trong việc chuẩn bị cây giống và hiện trường cho trồng rừng phòng hộ, chăm sóc rừng trồng; nhất là việc giao khoán bảo vệ rừng hàng năm khó triển khai thực hiện.

- Điều kiện thời tiết ngày càng phức tạp và không thuận lợi (mưa nắng thất thường) gây ảnh hưởng đến tiến độ trồng và chăm sóc rừng trồng cũng như sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

- Diện tích trồng rừng phòng hộ ngày càng nhỏ lẻ, manh mún cách xa nhau, chi phí nhân công và vật tư phân bón ngày càng tăng cao nhưng trong nhiều năm qua, suất đầu tư cho trồng rừng phòng hộ vẫn giữ nguyên theo còn thấp, không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay nên diện tích và chất lượng rừng trồng rất khó đảm bảo thành rừng sau 4 năm vì không đủ kinh phí trồng, chăm sóc bảo vệ sau này.

- Số lượng và chất lượng của một số mô hình chưa đạt hiệu quả như mong muốn vì các hộ dân hạn chế về kiến thức chuyên môn về chăn nuôi và trồng trọt nên hiệu quả kinh tế mang lại chưa cao; Hình thức nuôi bò cái sinh sản là giao cho tập thể quản lý nên ý thức trong việc chăn thả, chăm sóc chưa đạt hiệu quả. Ngoài ra, UBND các xã chưa quan tâm phối hợp trong việc cử các cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn như Thú y, Trồng trọt,... của xã để hướng dẫn cho bà con thực hiện triển khai và nhân rộng các mô hình.

4.2. Về chủ quan:

- Công tác phối kết hợp tuần tra truy quét giữa các đơn vị chủ rừng, các đơn vị quản lý nhà nước và chính quyền địa phương trên địa bàn đôi khi chưa được thường xuyên.

- Công tác xử lý những hộ phá rừng làm rẫy vẫn chưa được các cơ quan có chức năng xử lý nghiêm minh để qua đó tuyên truyền, giáo dục cho các hộ dân nhất là các hộ người đồng bào địa phương thấy được việc khai thác lâm sản; coi nói, phá rừng làm rẫy là vi phạm pháp luật.

- Một số người lao động làm công tác QLBR trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực còn hạn chế, ý thức trách nhiệm chưa cao nên phần nào đó chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

5. Một số bài học kinh nghiệm:

5.1. Công tác QLBR&PTR:

- Cần tăng cường công tác phối kết hợp với Chính quyền địa phương, giúp chính quyền địa phương nâng cao nhận thức, thấy rõ được chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện quản lý nhà nước về BV&PTR.

- Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình tham gia mô hình khoán bảo vệ rừng vì lực lượng cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng là lực lượng nòng cốt hỗ trợ đắc lực cho lực lượng BVR chuyên trách thực hiện hiệu quả trong công tác QLBR, PCCCR và phát triển rừng.

- Đẩy mạnh triển khai mô hình sinh kế tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập từ rừng cho người dân.

5.2. Mô hình sinh kế kết hợp BVR:

- Khi triển khai thực hiện mô hình sinh kế cần quan tâm xem xét vào điều kiện thực tế của từng thôn, từng xã để áp dụng các mô hình sinh kế phù hợp, cũng như đầu tư mô hình nào dứt điểm mô hình đó, tránh ồ ạt, dàn trải dẫn đến mô hình mang lại hiệu quả kinh tế không cao.

- UBND các huyện, xã và Công ty cần quan tâm bố trí cán bộ có chuyên môn thường xuyên kiểm tra, theo dõi và hướng dẫn những kỹ thuật chuyên môn cho người dân tham gia mô hình thực hiện đạt hiệu quả.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo:

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

1.1. Công tác tuyên truyền giáo dục:

- Xác định công tác tuyên truyền giáo dục và vận động là một trong những khâu then chốt trong công tác QLBR và PCCCR nên các năm tiếp theo, đơn vị vẫn sẽ tiếp tục phối hợp với Hạt kiểm lâm Bắc Ái, chính quyền địa phương 5 xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến và xã Phước Thắng tổ chức họp dân tại các thôn và tại trung tâm UBND xã để tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, bà con nhân dân về công tác QLBR.

- Ngoài ra, In ấn thu băng cassette phối hợp với cán bộ phụ trách văn hóa thông tin xã để phát thường xuyên trên đài phát thanh của địa phương cho bà con

nhân dân 5 xã nắm bắt thêm các văn bản liên quan đến công tác QLVR để qua đó góp phần nâng cao ý thức của người dân về công tác QLVR và công tác PCCCR.

1.2. Công tác quản lý bảo vệ và PCCCR:

- Tổ chức kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các phương án, quy trình về PCCCR, nhất là các vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy.

- Tăng cường cán bộ xuống địa bàn phối hợp với BCH BVR&PCCCR của 5 xã Phước Bình, Phước Hòa, Phước Tân, Phước Tiến và xã Phước Thắng hướng dẫn cho nhân dân các biện pháp PCCCR, hướng dẫn cho nhân dân cách đốt nương làm rẫy.

- Sửa chữa bảng tuyên truyền, bảng cấp dự báo cháy rừng, mua sắm một số trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCCR.

- Bố trí phương tiện (xe ô tô, xe máy...) túc trực tại các trạm QLVR trong mùa khô để sẵn sàng chở người và dụng cụ tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Chỉ đạo cho các trạm thường xuyên tổ chức kiểm tra rừng, để phát hiện kịp thời các nguy cơ có thể gây ra cháy rừng, hoặc các vụ cháy xảy ra, nhanh chóng báo cáo về BCH BVR&PCCCR của xã gần nhất để huy động nhân dân tham gia cứu chữa kịp thời. Ngăn chặn và lập biên bản các vụ vi phạm lâm luật, đặc biệt là các vụ vi phạm về công tác PCCCR, chuyển giao Hạt kiểm lâm xử lý.

- Tích cực phối hợp với chính quyền địa phương để ngăn chặn tình hình phá rừng lấn rừng làm rẫy trái phép trên địa bàn quản lý.

- Củng cố, kiện toàn, sắp xếp lại lực lượng QLVR các trạm cho phù hợp với tình hình thực tế từng khu vực, từng thời điểm. Bố trí lực lượng tham gia tuần tra truy quét luôn mạnh nhất, phân công trách nhiệm và giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên nhất là các trưởng, phó trạm QLVR.

- Tăng cường công tác trình sát bám địa bàn, điều động, luân chuyển nội bộ giữa các trạm không để nhân viên công tác lâu dài tại một trạm cố định nhằm tránh xảy ra tiêu cực, đồng thời để nhân viên nắm bắt được toàn bộ diện tích rừng của đơn vị.

2.2. Công tác phát triển rừng:

- Tổ chức họp dân triển khai đăng ký đất trồng rừng. Khảo sát và thiết kế đất trồng rừng đúng khu vực quy hoạch và đúng mục tiêu đề ra. Chuẩn bị gieo tạo cây con đúng tiêu chuẩn chất lượng và số lượng. Tiến hành phát dọn thực bì, cuốc hố, bón phân, thực hiện trước khi trồng để trồng kịp thời vụ, thi công đúng tiến độ nhằm đạt kết quả cao.

- Trong quá trình thực hiện trồng rừng cán bộ kỹ thuật luôn trực tiếp tại hiện trường kiểm tra, giám sát, theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật cho dân. Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật lâm sinh, xây dựng dự toán kinh tế phù hợp với thực tế và đúng theo qui định hiện hành. Phối hợp với UBND các xã, chính quyền địa phương để đầu tư đúng đối tượng, đúng mục tiêu đề ra.

- Thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng sau khi trồng: Tuyên truyền cho

người dân sống trong khu vực biết mục tiêu trồng rừng, vận động người dân tham gia quản lý, bảo vệ rừng trồng là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng của công tác bảo vệ rừng; Làm các biển báo nghiêm cấm các hoạt động khai thác, chăn thả gia súc trong khu vực trồng rừng. Ngăn chặn các hành vi chặt, phá rừng, xâm hại rừng và phòng trừ các loài sinh vật, sâu bệnh hại. Phòng chống cháy rừng theo đúng quy định hiện hành.

VI. Đề xuất, kiến nghị:

1. Đối với Trung ương:

- Kiến nghị Trung ương bổ sung vốn Điều lệ cho Công ty để Công ty có kinh phí mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm tăng thu nhập cho người lao động.

- Cần xem xét bố trí nguồn vốn cho công tác giao khoán bảo vệ rừng cho cả chu kỳ 3-5 năm có tính ổn định. Qua đó tạo điều kiện cho các đơn vị giao khoán được thuận lợi trong quá trình triển khai công tác BVR, mô hình sinh kế cộng đồng; Cộng đồng (nhận khoán) chủ động kinh phí thường xuyên thì hoạt động mới mang lại hiệu quả cao và phát triển sinh kế ổn định cuộc sống cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Sớm quan tâm cấp kinh phí khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng từ năm 2021 cho các xã vùng II và vùng III để duy trì hoạt động bảo vệ rừng và PCCCR của các cộng đồng nhận khoán.

- Đề nghị các Bộ, Ban, Ngành Trung ương cần xem xét có quy định về chế độ đãi ngộ dành riêng cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của các đơn vị chủ rừng nhằm tăng thêm nguồn thu nhập, đảm bảo cuộc sống và để họ yên tâm công tác. Vì theo thực tế hiện nay, lực lượng làm nhiệm vụ QLBR của các chủ rừng và công chức Kiểm lâm cùng làm nhiệm vụ BVR&PCCCR như nhau nhưng ngoài tiền lương ra thì các chế độ độc hại, phụ cấp vùng miền núi hiểm trở, vùng sâu, xa, chế độ thâm niên,... thì lực lượng bảo vệ rừng của công ty không có.

- Đề nghị xem xét tăng thẩm quyền cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng để nâng cao hiệu quả trong công tác QLBR.

- Xem xét tăng suất đầu tư cho công tác trồng rừng phòng hộ từ 30.000.000 đồng lên 40.000.000 - 50.000.000 đồng cho bà con sống gần rừng, ven rừng để tăng thu nhập, ổn định cuộc sống theo tinh thần của Nghị định 75/NĐ-CP nhằm xã hội hóa nghề rừng giảm nghèo nhanh và bền vững với suất quá thấp chỉ vừa thu hút người dân tích cực tham gia trồng và chăm sóc rừng trồng.

2. Đối với tỉnh:

2.1. Công tác QLBR:

- Đối với kiến nghị sửa đổi bổ sung nghị định số 118/2018/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, Công ty kiến nghị thêm tại khoản 3, Điều 20 (Đầu Tư) *“Ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư mua sắm các trang thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp trong các vùng nguyên liệu tập trung theo dự án được cấp có thẩm quyền phê*

duyet". Tuy nhiên, hiện nay 02 Công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh không được cấp kinh phí PCCCR&TQCPR mà sử dụng trong kinh phí đặt hàng bảo vệ rừng. Do đó cần xem xét, bố trí, bổ sung thêm kinh phí PCCCR ngoài chi phí đặt hàng để Công ty có kinh phí thực hiện công tác QLBR.

- Đề nghị hỗ trợ kinh phí bảo vệ hoặc giao nhiệm vụ đặt hàng bảo vệ rừng đối với những diện tích đất lâm nghiệp ngoài diện tích đặt hàng hiện nay, cụ thể: đất trống DT1, DT2, đất DNN (nuông rẫy) và diện tích rừng trồng quy hoạch là rừng sản xuất hiện nay giao công ty quản lý.

- Hiện nay, theo ý kiến của các Sở, ngành để có cơ sở, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất theo diện tích rừng và đất rừng được giao quản lý theo kết quả quy hoạch 03 loại rừng tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh, hồ sơ Phương án sử dụng đất phải được giao, lập bởi đơn vị tư vấn độc lập có chức năng xây dựng do đó kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2.2. Mô hình sinh kế kết hợp QLBR:


- Các Sở ban ngành, chính quyền địa phương các xã quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cũng như phối hợp cùng đơn vị chủ rừng định hướng, giúp đỡ cho cộng đồng trong việc quản lý, sử dụng nguồn tiền bảo vệ rừng; nghiên cứu tạo mô hình sinh kế mới cho cộng đồng nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình trong chăn nuôi, trồng rừng sản xuất, vườn rừng và nông lâm kết hợp đúng với chủ trương, chính sách của nhà nước đạt hiệu quả.

Trên đây là báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng), tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến báo cáo để Chi cục Kiểm lâm có cơ sở tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Chi cục Kiểm lâm (Báo cáo);
- Giám đốc, Các PGĐ Cty;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Anh Vũ

Phụ biểu 01: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016-2021

TT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Tuyên truyền bằng xe loa lưu động	Đợt							
2	Diễn tập PCCC cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCC cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ							
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt	32	32	12	12	12	12	112
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người	3.250	3.600	1.200	1.250	1.250	1.250	11.800
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT							
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT							
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT							

Phụ biểu 02: Số vụ cháy rừng từ 2016 - 2021

Số TT	Mùa khô	Số vụ cháy	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại	Nguyên nhân
1	2016	9	3,90	9	350	Hiện trạng rừng bị cháy là rừng khộp non rừng lá vào mùa khô. Mức độ thiệt hại là không đáng kể do các vụ cháy đầu được đơn vị phát hiện và cùng người dân chữa cháy kịp thời nên chủ yếu là cháy thảm thực bì dưới tán rừng (lá khô, cỏ và cây bụi khô).	Người dân dùng lửa không có ý thức phòng cháy, đốt dọn rẫy để lửa chảy lan sang rừng, đốt lửa săn bắt thú.
2	2017	3	0,66	3	120		
3	2018						
4	2019	3	0,80	3	90		
5	2020	9	6,86	9	350		
6	2021	2	2,41	2	23		
Tổng		26	14,63	26	933		

Phụ biểu 03: Kết quả các vụ vi phạm QLBR từ 2016 - 2021

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Phá rừng trái phép	4	3		5	6	13	31
2	VPQĐ về khai thác gỗ và lâm sản khác	16	36	9	7	19	10	97
3	VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp							
4	VPQĐ về QLĐV hoang dã							
5	Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép	11	6	2	2	6	5	32
6	VPQĐ về chế biến gỗ và lâm sản khác							
7	Vi phạm khác (Đập, phá lò than; chống người thi hành công vụ...)	22	12	3	2			39
Tổng		53	57	14	16	31	28	199

Phụ biểu 04: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016-2021

Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1. Tổng số vụ đã xử lý (vụ):	31	45	9	11	22	15	133
2. Tịch thu:							
- Ôtô, máy kéo (chiếc)							
- Xe trâu bò kéo (chiếc)							
- Xe máy (chiếc)	11	7	1	4	8	5	36
- Phương tiện khác (chiếc)							
- Gỗ tròn (m3)							
- Gỗ xẻ (m3)	45	23	6,271	4,362	9,44	4,589	92,662
- Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)							
3. Thu nộp ngân sách nhà nước (1.000 đồng)							

Phụ biểu 05: Kết quả thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

TT	Hạng mục	Đvt	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Phân theo năm thực hiện					
					2016	2017	2018	2019	2020	2021
1	Khoán bảo vệ rừng	lượt ha	33.040,65	33.040,65	8.988,00	9.988,00	7.988,00	2.076,65	2.000,00	2.000,00
1.1	Chương trình 30a	lượt ha	14.040,65	14.040,65	3.988,00	3.988,00	3.988,00	2.076,65		
1.2	Chương trình MTPTLNBV	lượt ha	19.000,00	19.000,00	5.000,00	6.000,00	4.000,00		2.000,00	2.000,00
2	Trồng rừng mới	ha	433,60	375,11	62,00		30,00	100,00	100,00	83,11
2.1	Phòng hộ	ha	150,00	144,60	34,60		30,00		50,00	30,00
2.2	Trồng mới rừng sản xuất	ha	33,60	27,40	27,40					
2.3	Trồng rừng thay thế	ha	250,00	203,11				100,00	50,00	53,11
3	Chăm sóc rừng	lượt ha	562,15	515,26	65,95	34,60	71,60	130,00	80,00	133,11
3.1	Chăm sóc rừng trồng phòng hộ	lượt ha	312,15	312,15	65,95	34,60	71,60	30,00	30,00	80,00
-	Chăm sóc năm 2	lượt ha	151,60	151,60	37,00	34,60		30,00		50,00
-	Chăm sóc năm 3	lượt ha	130,55	130,55	28,95		71,60		30,00	
-	Chăm sóc năm 4	lượt ha	30,00	30,00						30,00
3.2	Chăm sóc rừng trồng thay thế	lượt ha	250,00	203,11				100,00	50,00	53,11
-	Chăm sóc năm 2	lượt ha	150,00	150,00						150,00
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh	lượt ha								
4.1	Có tác động	lượt ha								
-	Chương trình /dự án	lượt ha								
4.2	Không tác động	lượt ha								
-		lượt ha								
-		lượt ha								
5	Trồng cây phân tán	Ng.cây	150	150	130					20

Phụ biểu 06: Phân bổ vốn thực hiện phát triển rừng giai đoạn 2016-2021

Đơn: Triệu đồng

Đvt: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Phân theo năm thực hiện					
			2016	2017	2018	2019	2020	2021
	Tổng cộng	23.637,1	3.192,7	2.638,9	2.344,0	5.335,2	4.024,8	6.101,5
1	Khoản bảo vệ rừng	8.582,8	2.229,7	2.454,7	1.467,7	830,7	800,0	800,0
-	Chương trình Nghị quyết 30a	4.328,7	1.196,4	1.196,4	1.105,2	830,7		
-	Chương trình MPTLNBV	4.254,2	1.033,3	1.258,3	362,5		800,0	800,0
2	Trồng rừng mới	11.836,8	614,9	-	596,7	4.352,5	3.109,0	3.163,8
-	Trồng và chăm sóc năm I rừng ĐD, PH	2.829,1	482,9		596,7		996,9	752,6
-	Trồng rừng sản xuất	131,9	131,9					
-	Trồng rừng thay thế	8.875,8				4.352,5		2.411,2
3	Chăm sóc rừng	3.033,9	204,6	184,1	279,7	152,0	75,9	2.137,7
3.1	Chăm sóc rừng trồng phòng hộ	1.264,1	204,6	184,1	279,7	152,0	75,9	367,9
-	Chăm sóc năm 2	777,7	148,0	184,1		152,0		293,6
-	Chăm sóc năm 3	412,1	56,6		279,7		75,9	
-	Chăm sóc năm 4	74,2						
3.2	Chăm sóc rừng trồng thay thế	1.769,8	-	-	-	-	-	74,2
-	Chăm sóc năm 2	1.769,8						1.769,8
4	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh							
4.1	Có tác động							
-	Chương trình/dự án							
4.2	Không tác động							
-								
-								
5	Trồng cây phân tán	183,55	143,55					40

Phụ biểu 07: Tổng hợp diễn biến rừng và đất lâm nghiệp từ năm 2016-2021

Năm	Phân loại rừng	Diện tích đầu kỳ (ha)	Diện tích thay đổi (ha) (tăng (+), giảm (-))	Diện tích cuối kỳ (ha)	Quy hoạch 03 loại rừng (ha)			Ngoài quy hoạch (ha)	Độ che phủ rừng (%)	Quyết định công bố hiện trạng rừng của Bộ NN&PTNT
					Cộng	Phòng hộ	sản xuất			
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	27.684,35	-4.724,57	22.959,78	22.959,78	17.208,76	5.751,02			
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	27.684,35	-4.754,57	22.959,78	22.959,78	17.208,76	5.751,02			
	A. Đất có rừng	21.121,14	-1.816,02	19.305,12	19.305,12	15.249,49	4.055,63			
	I. Rừng tự nhiên	20.685,30	-1.834,33	18.850,97	18.850,97	15.150,73	3.700,24			
	II. Rừng trồng	435,84	+18,31	454,15	454,15	98,76	355,39			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	330,24	-119,65	210,59	210,59	41,80	168,79			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng	105,60	+137,96	243,56	243,56	56,96	186,60			
	B. Đất chưa có rừng	6.563,21	-2,908,55	3.654,66	3.654,66	1.959,27	1.695,39			
									83,02	Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 28/2/2022

Phụ biểu 08: Dự án đã được cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021

TT	Tên dự án	Diện tích CMĐSDR (ha)										Văn bản cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
		Tổng diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng đặc dụng		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Quy hoạch đưa ra giai đoạn 2007-2015		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên		Rừng trồng
1	Nghiên cứu triển khai và đầu tư áp dụng công nghệ xanh phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch ít phát	14,97		14,97						14,97			Quyết định 2898/QĐ-UBND ngày 21/11/2016
2	Dự án đầu nối, nâng cấp, mở rộng hệ thống nước Ma Lâm	0,466	0,466							0,466			Quyết định 2160/QĐ-UBND ngày 08/11/2017
3	Phát triển cây dược liệu, cây ăn quả chất lượng cao NiTaTech	17,55	17,55							17,548			Quyết định 105/QĐ-UBND ngày 02/04/2018
4	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Agritech	0,179	0,179							0,179			Quyết định 119/QĐ-UBND ngày 12/04/2018
5	Dự án trồng dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGap kết hợp trồng cây dược liệu	14,45		14,45							14,45		Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 24/07/2020
6	Đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân	4,37	4,37				4,08			0,29			Quyết định 498/QĐ-UBND ngày 13/09/2021
Tổng		51,983	22,563	29,420			4,080			18,483	29,420		